

Bản án số: 37/2025/DS-ST

Ngày: 05-9-2025

V/v: “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải Yến**

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Thăng**

2. Bà **Lương Thị Bảo Thuỳ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lanh Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà **Cao Thị Yến** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05/9/2025, tại Hội trường A, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/HPT-ST ngày 26/6/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 17/7/2025 và Thông báo ấn định thời gian mở phiên tòa số 89/TB-TA ngày 31/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐST-DS ngày 15/8/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Đỗ Thị Dương L**, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai). (Có mặt).

* *Bị đơn:* Ông **Đỗ Xuân T**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ B, ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai). (Vắng mặt).

Bà **Đỗ Thị Dương N**, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Đỗ Xuân T1**, sinh năm 1979. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1976. Địa chỉ: tổ A, ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (do chị **Đỗ Thị Dương N** làm đại diện theo hợp đồng uỷ quyền ngày 23/7/2024) (Vắng mặt).

3. Anh **Đỗ Xuân L1**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

* **Người làm chứng:** Bà **Lưu Thị M**, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai). (Vắng mặt).

4. Bà **Phan Thị T2**, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

5. Chị **Đỗ Ngọc Phương T3**, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

6. Anh **Đỗ Phan Duy T4**, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

7. Cháu **Đỗ Phan Duy T5**, sinh năm 2010. (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

Người đại diện theo pháp luật của cháu T5: Bà **Phan Thị T2**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Đỗ Thị Dương L trình bày:**

Cha chị là ông **Đỗ Ứng P**, sinh năm 1952 và mẹ là bà **Dương Thị C1**, sinh năm 1954. Ông bà nội, ngoại của chị đã mất từ rất lâu. Cha mẹ có 04 người con ruột là:

1. **Đỗ Xuân T1**, sinh năm 1979
2. **Đỗ Thị Dương L**, sinh năm 1981
3. **Đỗ Xuân T**, sinh năm 1983
4. **Đỗ Thị Dương N**, sinh năm 1987

Ông **Đỗ Ứng P** trước khi chung sống với bà **C1** đã có 01 người con là **Đỗ Xuân L1**, sinh năm 1975 và đã chết trong đợt dịch năm 2021.

Bà **Dương Thị C1** có 01 người con riêng tên **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1976.

Quá trình chung sống, cha mẹ có tạo lập được thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tại xã H, cấp cho ông **Đỗ Ứng P** và bà **Dương Thị C1** theo giấy chứng nhận QSD đất số CL 541910 ngày 29/12/2017.

Năm 2020 ông **P** mất không để lại di chúc. Bà **Dương Thị C1** do chị **L** và chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **T** và anh **T1** do hoàn cảnh khó khăn nên đã thoả thuận phần di sản thừa kế của ông **P** sẽ để lại cho chị và chị **N**. Ngày 30/5/2022, tại Văn phòng C2, anh **Đỗ Xuân T1** và **Đỗ Xuân T** đã ký văn bản từ chối nhận di sản đối với phần di sản của cha theo số công chứng số 2916, quyển số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/5/2022.

Ngày 09/6/2022, bà **C1** chết không để lại di chúc.

Nay chị yêu cầu Toà án chia thừa kế đối với thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tại xã H, đã được cấp cho ông **Đỗ Ứng P** và bà **Dương Thị C1** theo giấy chứng nhận QSD đất số CL 541910 ngày 29/12/2017. Do anh em trong nhà không thể nói chuyện được với nhau nên đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Di sản của cha mẹ để lại qua định giá có giá trị 1.111.400.000đ. Nguyên vọng của chị là nếu các anh chị em trong gia đình không ai mua căn nhà trên thì chị sẽ mua lại và sẽ thanh toán giá trị cho các anh chị em

trong nhà theo kỹ phần được chia. Ngày 14/7/2025, chị có đơn đề nghị giao phần thừa kế chị được hưởng cho anh Đỗ Xuân T1 để anh ở và làm nơi thờ tự cha mẹ.

*** Bị đơn chị Đỗ Thị Dương N có lời khai:**

Chị thống nhất với chị L về việc thời điểm cha mẹ chết, con chung và con riêng cũng như tài sản thừa kế là thửa đất 354, TBD số 35 tại H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Đối với việc chị L yêu cầu chia thừa kế, chị đồng ý và đề nghị Toà án có xem xét đến văn bản từ chối di sản thừa kế của anh T và anh T1. Chị C tặng cho kỹ phần thừa kế được hưởng cho chị để góp phần mua chỗ thờ cúng cha mẹ, chị đồng ý. Chị yêu cầu được nhận phần căn nhà và sẽ thanh toán giá trị tài sản mỗi người được hưởng cho những người liên quan.

Bị đơn anh Đỗ Xuân T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không trình bày.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Xuân T1 trình bày:**

Anh thống nhất trình bày của chị L. Anh và anh T đã từ chối đối với phần di sản của ba. Nay mẹ cũng đã chết, anh em trong nhà không thuận thảo, không nói chuyện được với nhau dẫn đến việc khó khăn khi làm đám giỗ, cúng cha mẹ, ông bà. Chị L yêu cầu chia thừa kế, anh đồng ý và đề nghị nhận căn nhà để ở và thực hiện việc thờ cúng cha mẹ do bản thân anh là con trai trưởng. Đồng ý nhận phần giá trị của chị L tặng cho và sẽ có nghĩa vụ thanh toán giá trị cho những người liên quan cũng như nộp chi phí tố tụng theo quy định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị C trình bày:**

Cha ruột của chị là ông Nguyễn Thành T6, mẹ là bà Dương Thị C1, sinh năm 1954 và chết năm 2022. Mẹ chị vừa sinh chị được 18 ngày thì cha chết, khi chị được 03 tuổi thì mẹ đi lấy chồng khác là ông Đỗ Ứng P. Khi mẹ lấy chồng thì chị ở với nội, chị vẫn qua lại thăm mẹ và cha dượng. Mẹ bệnh chị vẫn lên thăm và mẹ chết chị có về chịu tang.

Mẹ chết không để lại di chúc. Mẹ và cha dượng có tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 354, TBD số 35, diện tích 143,4m² theo giấy chứng nhận QSD đất số CL 541910 ngày 29/12/2017.

Ông P và mẹ có 04 người con là: Đỗ Xuân T1; Đỗ Thị Dương L; Đỗ Xuân T; Đỗ Thị Dương N. Cha dượng có 01 người con riêng tên Đỗ Xuân L1 ở Bình Phước, chết năm 2021.

Đối với việc chị L yêu cầu chia thừa kế đối với di sản nêu trên, chị đồng ý chia theo quy định của pháp luật. Đối với phần của chị được chia, chị uỷ quyền giao cho chị N nhận để phụ chị N mua chỗ thờ cúng cha mẹ và chị N phải có nghĩa vụ thanh toán các nghĩa vụ liên quan đến phần di sản này nếu có.

Do chị ở xa, bận đi làm nên đề nghị Toà án giải quyết cho phép được vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Đỗ Xuân L1 là con của ông Đỗ Ứng P và bà Lưu Thị M. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn và chị C có lời khai xác nhận anh L1 là con của ông P và bà M, đồng thời có cung cấp cho Toà án Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 01 ngày 18/01/1978 của Toà án nhân dân huyện Hàm Tân) có xác định anh L1 là con của bà M và ông P. Do đó. Anh L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự khai anh L1 đã chết vào năm 2021. Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai) đã uỷ thác lấy lời khai thu thập chứng cứ biết được mẹ của anh L1 là bà M, vợ là chị T2 cùng 03 người con chung. Tuy nhiên đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh anh L1 chết, có mẹ, vợ và các con nên chưa đủ cơ sở xác định bà M, chị T2 và các cháu T3, T4, T5 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ cho anh L1.

Bà Lưu Thị M, bà Phan Thị T2, chị Đỗ Ngọc Phương T3, anh Đỗ Phan Duy T4, cháu Đỗ Phan Duy T5, người đại diện theo pháp luật của cháu T5: Bà Phan Thị T2 có đơn xin vắng mặt và không trình bày.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

- Về việc xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án: đúng quy định.
- Về tư cách những người tham gia tố tụng: Bà L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp di sản thừa kế với ông Đỗ Xuân T và bà Đỗ Thị Dương N nên Tòa án xác định bà L là nguyên đơn; ông T, bà N là bị đơn đúng với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đỗ Xuân T1 là anh em trong gia đình với nguyên đơn và bị đơn; bà C là con riêng của bà C1; ông L1 con riêng của ông P. Do ông L1 đã chết nên Tòa án xác định bà Lưu Thị M (mẹ), bà Phan Thị T2 (vợ) cùng 03 người con của ông L1 là Đỗ Ngọc Phương T3, Đỗ Phan Duy T4, Đỗ Phan Duy T5 là người những có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thông báo thụ lý vụ án: ngày 05/4/2024 tòa án ra Thông báo thụ lý nhưng đến ngày 13/4/2024 mới tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn biết là trễ thời hạn Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thu thập chứng cứ: Tòa án chưa thu thập đầy đủ theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể như sau:

1. Theo lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp: ông Đỗ Ứng P có 01 người con riêng là ông Đỗ Xuân L1, sinh năm 1975, đã chết năm 2021. Mẹ ông L1 là bà Lưu Thị M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; vợ là bà Phan Thị T2, sinh năm 1979; con: Đỗ Ngọc Phương T3, sinh năm 1998, Đỗ Phan Duy T4, sinh năm 2000, Đỗ Phan Duy T5, sinh năm 2010, cùng địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, trong hồ sơ tòa án chưa thu thập bản gốc hoặc trích lục một số giấy tờ cá nhân liên quan đến các đương sự như sau:

Giấy khai sinh của ông L1 để xác định ông L1 là con của ông P và bà Lưu Thị M hay không? Giấy chứng tử của ông L1 để xác định chính xác ông L1 chết thời điểm nào? Giấy đăng ký kết hôn của ông L1 và bà Phan Thị T2; sổ hộ khẩu và giấy khai sinh của 03 người con Đỗ Ngọc Phương T3, Đỗ Phan Duy T4 và Đỗ Phan Duy T5.

2. Theo lời khai của bà Phan Thị T2 thì bà và các con cùng đồng ý tặng phần di sản thừa kế được nhận cho ông T1. Tuy nhiên các con bà T2 chưa ký vào lời khai và cũng chưa có văn bản ủy quyền cho bà T2 đại diện.

3. Tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng sau:

+ Kết quả thẩm định giá cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết và cho ý kiến đồng ý hay không?

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2025 cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà M, bà T2 và chị T3, anh T4 và cháu T5 theo quy định của pháp luật.

+ Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-DS ngày 26/6/2025 cho tất cả các đương sự trong vụ án.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vi phạm thời hạn xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tại xã H, cấp cho ông Đỗ Ứng P và bà Dương Thị C1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 541910 ngày 29/12/2017 nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

[2] **Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai); di sản là thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tại xã H (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, c, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về tư cách tham gia tố tụng:** Chị Đỗ Thị Dương L khởi kiện đối với chị Đỗ Thị Dương N và anh Đỗ Xuân T nên chị L là nguyên đơn, anh T và chị N là bị đơn.

Ông Đỗ Ứng P và bà Dương Thị C1 có con chung là Đỗ Xuân T1, Đỗ Thị Dương L, Đỗ Xuân T, Đỗ Thị Dương N. Ông P và bà Lưu Thị M (đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 01 ngày 18/01/1978 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân) và có con riêng là Đỗ Xuân L1 và bà Dương Thị C1 có con riêng là chị Nguyễn Thị C. Do đó, anh T1, chị C và anh L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Anh Đỗ Xuân L1 chết năm 2021 nên bà Lưu Thị M, chị Phan Thị T2, cháu Đỗ Ngọc Phương T3, cháu Đỗ Phan Duy T4, cháu Đỗ Phan Duy T5, người đại diện theo pháp luật của cháu T5: Bà Phan Thị T2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh L1 trong vụ án.

Toà án đã có quyết định uỷ thác thu thập tài liệu chứng cứ nhưng bà M, chị T2, cháu T3, cháu T4 và cháu T5 không hợp tác và có lời khai cho biết giấy tờ của anh L1 đã được chôn theo anh khi anh chết.

Toà án đã có văn bản đề nghị UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy khai sinh; giấy khai tử của anh Đỗ Xuân L1; Giấy khai sinh của cháu Đỗ Ngọc Phương T3, sinh năm 1998; cháu Đỗ Phan Duy T4, sinh năm 2000; cháu Đỗ Phan Duy T5, sinh năm 2010; giấy chứng nhận kết hôn của anh Đỗ Xuân L1 với chị Phan Thị T2; giấy khai sinh của bà Lưu Thị M (nếu có).

Ngày 29/7/2025, UBND xã P đã có văn bản trả lời: “*Hồ sơ hộ tịch lưu giữ hiện không có thông tin của công dân đối với các trường hợp Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 tỉnh Đồng Nai) yêu cầu*”.

Do không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà M, chị T2, cháu T3, cháu T4 và cháu T5 là mẹ, vợ và cha của anh L1 nên bà M, chị T2, cháu T3, cháu T4 và cháu T5 không phải là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh L1.

[4] **Về việc xét xử vắng mặt đương sự:** Chị C có đơn xin vắng mặt; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[5] **Về thời hiệu:** Thời hiệu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản theo quy định tại Điều 623 - BLDS. Ông P chết năm 2020 và bà C1 chết năm 2022. Di sản là thửa đất số 354, TĐĐ số 35, tại phường H, do đó, còn thời hiệu.

[6] **Về áp dụng pháp luật:** thời điểm sau cùng ông Đỗ Ứng P chết năm 2020, bà Dương Thị C1 chết năm 2022 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[7] **Về thời điểm mở thừa kế:** Các đương sự khai cha của ông Đỗ Ứng P là cụ Đỗ Ứng P1 đã chết năm 1990, mẹ là cụ Nguyễn Thị T7, chết năm 2018; cha của bà Dương Thị C1 là cụ Dương Văn K, hy sinh năm 1953 và mẹ là cụ Hoàng Thị N1 đã chết năm 1972 (BL9, 23, 26, 39). Ông Đỗ Ứng P chết năm 2020, bà Dương Thị C1 chết năm 2022 phù hợp với tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng tử số 09/2020 ngày 09/3/2020 và số 58/2022 ngày 10/6/2022 (BL 01, 02). Căn cứ vào Điều 611 - Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định thời điểm mở thừa kế là ngày 07/3/2020 và ngày 09/6/2022.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhận thấy:

Về quan hệ huyết thống: Ông P và bà C1 có 04 người con chung là anh Đỗ Xuân T1, chị Đỗ Thị Dương L, anh Đỗ Xuân T, chị Đỗ Thị Dương N. Ông P có con riêng là anh Đỗ Xuân L1. Bà Dương Thị C1 có con riêng là chị Nguyễn Thị C.

Anh L1 và chị C là con riêng nhưng chị C và các đương sự khai nhận không có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con mà ở riêng, chỉ thăm và về chịu tang khi ông bà mất.

Về xác định di sản: Cả nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất di sản thừa kế là đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tại phường H, cấp cho ông Đỗ Ứng P và bà Dương Thị C1 theo giấy chứng nhận QSD đất số CL 541910 ngày 29/12/2017. Ngoài ra ông bà không còn bất cứ khối tài sản nào khác.

Về tài sản trên đất: Các đương sự đều thống nhất toàn bộ tài sản trên đất hiện đang tranh chấp chia thừa kế nêu trên gồm nhà ở, mái hiên trước nhà, cổng và tường rào là di sản thừa kế.

Về giá trị di sản: Các đương sự đều thống nhất thừa nhận giá trị di sản được định giá theo chứng thư thẩm định giá số 288/2024/368/TĐG ngày 01/8/2024 theo (BL 89), cụ thể:

+ Thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tọa lạc tại phường H, tỉnh Đồng Nai có giá trị là 975.650.000đ (*Chín trăm bảy mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*);

+ Công trình trên đất (nhà ở, mái hiên, cổng, tường rào có giá trị 135.729.450đ (Một trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi đồng).

Tổng giá trị khối di sản là 1.111.400.000đ (Một tỷ một trăm mười một triệu bốn trăm nghìn đồng).

Ngày 29/4/2025, công ty cổ phần T8 có văn bản xác nhận giá trị thừa đất không thay đổi so với thời điểm thẩm định giá tài sản.

Về việc chia di sản thừa kế:

[8.1] Phần di sản của ông P:

Ngày 07/3/2020 ông P chết không để lại di chúc. Cha, mẹ của ông P đã chết trước. Tại thời điểm này, di sản thừa kế được chia như sau:

Di sản ông P để lại được xác định: $1.111.400.000đ : 2 = 555.700.000đ$ (Năm trăm năm mươi lăm triệu bảy trăm ngàn đồng).

Di sản của ông P được chia như sau: $555.700.000 : 6 = 92.616.666đ$ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Mỗi người gồm bà C1, anh T, anh T1, chị L, chị N và anh L1 mỗi người được nhận 92.616.666đ (Chín mươi hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngày 30/5/2022, ông Đỗ Xuân T1 và ông Đỗ Xuân T đã có văn bản từ chối nhận di sản. Theo đó, ông T1 và ông T tự nguyện từ chối nhận kỷ phần di sản mà ông Đỗ Ứng P để lại và giao cho chị Đỗ Thị Dương L và chị Đỗ Thị Dương N nhận theo văn bản công chứng số 2916, quyền số 02/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/5/2022.

Việc từ chối nhận di sản của anh T1 và anh T là tự nguyện và không trái pháp luật theo quy định tại Điều 620 – BLDS nên ghi nhận. Do đó, kỷ phần gồm có bà C1, chị L, chị N và anh L1 được hưởng. Cụ thể bà C1 nhận 648.316.666đ; chị L và chị N mỗi người được nhận 185.233.332đ; anh L1 được nhận 92.616.666đ.

[8.2] Phần di sản thừa kế của anh L1:

Ngày 26/6/2025, chị L đã cung cấp cho Tòa án Trích sao Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 01 ngày 18/01/1978 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, theo đó xác định ông Đỗ Ứng P và bà Lưu Thị M được ly hôn và bà M nuôi con là Đỗ Xuân L1 03 tuổi, nên xác định anh Đỗ Xuân L1 là con riêng của ông P và bà M.

Chị L, chị N, anh T1 và chị C đều thừa nhận anh T1 có vợ là chị Phan Thị T2, con của anh L1 và chị T2 là cháu Đỗ Ngọc Phương T3, cháu Đỗ Phan Duy T4, cháu Đỗ Phan Duy T5.

Anh L1 chết năm 2021 nên kỷ phần thừa kế của anh L1 sẽ do mẹ, vợ và các con của anh L1 được hưởng là bà Lưu Thị M, chị Phan Thị T2, cháu Đỗ Ngọc Phương T3, cháu Đỗ Phan Duy T4, cháu Đỗ Phan Duy T5 do chị T2 đại diện theo pháp luật nhận.

Toà án đã có văn bản uỷ thác thu thập tài liệu chứng cứ đến Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Chị T2 và những người liên quan không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Chị T2 có bản tự khai không tranh chấp, phần của chồng chị được hưởng, chị và mẹ chồng cùng các con đồng ý cho tặng lại anh Đỗ

Xuân T1. Các tài liệu, giấy tờ liên quan đến nhân thân của anh L1 khi anh chết gia đình đã liệm và chôn theo anh nên không còn để cung cấp cho Tòa án.

Toà án tổng đạt các văn bản đề các đương sự tham gia tố tụng nhưng các đương sự vắng mặt, không đến làm việc cũng như không cung cấp được các tài liệu chứng cứ liên quan.

Toà án đã có văn bản đề nghị UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai) cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy khai sinh; giấy khai tử của anh Đỗ Xuân L1; Giấy khai sinh của cháu Đỗ Ngọc Phương T3, sinh năm 1998; cháu Đỗ Phan Duy T4, sinh năm 2000; cháu Đỗ Phan Duy T5, sinh năm 2010; giấy chứng nhận kết hôn của anh Đỗ Xuân L1 với chị Phan Thị T2; giấy khai sinh của bà Lưu Thị M (nếu có).

Ngày 29/7/2025, UBND xã P đã có văn bản trả lời: *“Hồ sơ hộ tịch lưu giữ hiện không có thông tin của công dân đối với các trường hợp Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 tỉnh Đồng Nai) yêu cầu”*.

Do không thu thập được tài liệu chứng cứ chứng minh là địa chỉ, giấy chứng tử của anh L1; nhân thân của mẹ, vợ, các con anh L1 nên Tòa án căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQQ-HĐTP ngày 05/5/2017 để giải quyết. Nội dung hướng dẫn như sau:

“Đối với vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế mà nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ và Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập, xác minh địa chỉ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của người đó thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Phần tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ được nhận thì Tòa án tạm giao cho người thân thích của người đó hoặc người thừa kế khác quản lý. Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi có yêu cầu”.

Theo án lệ số 06/2016 ngày 06/4/2016 thì:

“Trong vụ án tranh chấp thừa kế có người thuộc diện thừa kế ở nước ngoài, nếu Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp, thu thập chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của những người đó thì Tòa án vẫn giải quyết yêu cầu của nguyên đơn; nếu xác định được di sản thừa kế, diện hàng thừa kế và người để lại di sản thừa kế không có di chúc thì giải quyết việc chia thừa kế cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật; phần tài sản thừa kế của những người vắng mặt, không xác định được địa chỉ sẽ tạm giao cho những người sống trong nước quản lý để sau này giao lại cho những thừa kế vắng mặt”.

Như vậy, phần của anh L1 được hưởng là 92.616.666đ. Do chưa xác định được địa chỉ của anh L1, chứng cứ chứng minh anh L1 chết; những người thừa kế của anh L1 nên phần của anh L1 hưởng được giao cho anh T1 tạm thời quản lý là 92.616.666đ (Chín mươi hai triệu sáu trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Tách và giành quyền khởi kiện cho bà Lưu Thị M, chị Phan Thị T2, cháu Đỗ Ngọc Phương T3, cháu Đỗ Phan Duy T4, cháu Đỗ Phan Duy T5 về quyền hưởng di sản thừa kế khi có đầy đủ các tài liệu chứng cứ, chứng minh anh L1 đã chết và các đương sự là mẹ, là vợ và là con của anh L1.

[8.3] Phần di sản của bà C1:

Ngày 09/6/2022 bà C1 chết và không để lại di chúc. Cha mẹ của bà C1 chết trước bà C1. Phần di sản thừa kế của bà C1 sẽ chia đều cho các con là 04 con chung và con riêng là chị Nguyễn Thị C và được tính như sau: $648.316.666đ : 5 = 129.663.333đ/người$.

Tại (BL79) chị C có lời khai kỷ phần của chị được hưởng, chị giao lại cho chị Đỗ Thị Dương N để phụ chị N mua chỗ thờ cúng cha mẹ và chị N có nghĩa vụ thanh toán các nghĩa vụ liên quan đến phần di sản theo quy định. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự và không trái pháp luật nên ghi nhận.

Như vậy, kỷ phần của mỗi người được hưởng như sau:

1. Chị Đỗ Thị Dương L: $185.233.332 + 129.663.333đ = 314.896.665đ$ (*Ba trăm mười bốn triệu tám trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng*).

2. Chị Đỗ Thị Dương N: $185.233.332 + 129.663.333đ + 129.663.333đ = 444.559.998đ$ (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi chín ngàn chín trăm chín mươi tám đồng*).

3. Anh Đỗ Xuân T: $129.663.333đ$ (*Một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

4. Anh Đỗ Xuân T1: $129.663.333đ + 92.616.666đ = 222.279.999đ$ (*Hai trăm hai mươi hai triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm chín mươi chín đồng*).

Vì thừa đất không thể tách thửa do không đủ diện tích tối thiểu khi tách thửa mà chỉ có thể chia theo giá trị và anh Đỗ Xuân T1 có nguyện vọng được nhận căn nhà, thanh toán giá trị cho những người còn lại do anh là con trai trưởng xin nhận nhà để làm nơi thờ cúng cha mẹ.

Ngày 14/7/2025, chị Đỗ Thị Dương L có đơn đề nghị giao phần thừa kế chị được hưởng cho anh Đỗ Xuân T1 để anh ở và làm nơi thờ tự cha mẹ. Xét đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận và phần của anh T1 được hưởng là $222.279.999đ + 314.896.665đ = 537.176.664đ$ (*Năm trăm ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng*).

Quá trình làm việc, Tòa án triệu tập các đương sự, anh T vắng mặt không có lý do.

Cả anh T1 và chị N đều có nguyện vọng nhận di sản là căn nhà và sẽ thanh toán giá trị được hưởng cho những người liên quan.

Xét thấy: Kỷ phần thừa kế của anh T1 được hưởng là nhiều nhất; việc thờ cúng cha mẹ, ông bà không phân biệt trai, gái nhưng do anh chị em trong gia đình không thuận thảo, không thể nói chuyện được với nhau và xét trình bày của anh T1 là có cơ sở nên giao căn nhà và đất thuộc thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích $143,4m^2$ trong đó diện tích đất được cấp là $102,7m^2$ tại xã H (nay là phường H), cấp cho ông Đỗ Ứng P và bà Dương Thị C1 theo giấy chứng nhận QSD đất số CL 541910 ngày 29/12/2017 cho anh Đỗ Xuân T1 được quyền quản lý, sử dụng là phù hợp. Anh T1 có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản cho anh T, chị N phần giá trị được hưởng như đã phân tích nêu trên.

[9] **Về án phí:** Chị Đỗ Thị Dương L không phải nộp án phí DSST. Hoàn trả cho chị L 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị L đã nộp, (Biên lai thu tiền số 0005148 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh).

Chị Đỗ Thị Dương N phải nộp 21.782.400đ (*Hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm đồng*) án phí DSST.

Anh Đỗ Xuân T phải nộp 6.483.167đ (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí DSST.

Anh Đỗ Xuân T1 phải nộp 25.487.067đ (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí DSST.

[10] **Về chi phí tố tụng:** (Chi phí thẩm định giá) 25.000.000đ + 2.130.280đ (bản vẽ, xem xét tại chỗ) = 27.130.280đ. (*Hai mươi bảy triệu một trăm ba mươi ngàn hai trăm tám mươi đồng*).

Số tiền chi phí tố tụng mỗi người phải chịu gồm chị N, chị L, chị C, anh T, anh T1; anh T1 (đại diện cho anh L1): 27.130.280đ: 6 = 4.521.713đ (*Bốn triệu năm trăm hai mươi một ngàn bảy trăm mười ba đồng*).

Do chị N nhận kỷ phần của chị C nên chị N có nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng là 4.521.713đ x 2 = 9.043.426đ (*Chín triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi sáu đồng*). Chị C không phải nộp.

Anh T1 do nhận kỷ phần của chị L, anh L1 nên có nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng là (4.521.713đ x 3) = 13.565.139đ (*Mười ba triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm ba mươi chín đồng*). Chị L, anh L1 không phải nộp.

Do chị L đã tạm ứng chi phí tố tụng nên chị N, anh T, anh có nghĩa vụ hoàn trả cho chị L số tiền trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về việc Toà án chưa thu thập đủ tài liệu chứng cứ, chưa lấy lời khai của những người liên quan là bà M, cháu T4, cháu T3 nên không xác định đường lối giải quyết vụ án, chưa đủ căn cứ để xác định phần thừa kế theo quy định của pháp luật là không có cơ sở. Cụ thể như đã phân tích ở trên.

Đây là vụ án dân sự, thông qua các tài liệu chứng cứ để Toà án xác định tư cách người tham gia tố tụng. Các đương sự không hợp tác, không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thì Toà án căn cứ pháp luật để giải quyết, họ phải chịu hậu quả khi không thực hiện, Toà án không thể bắt buộc, cưỡng chế đương sự phải có lời khai, chứng minh như yêu cầu của Viện kiểm sát. Căn cứ theo Án lệ và văn bản hướng dẫn, Toà án giải quyết vụ án, vẫn tách và giành quyền khởi kiện cho đương sự nếu chứng minh được quan hệ nhân thân của mình đối với anh Đỗ Xuân L1, không làm mất đi quyền lợi của các đương sự và tránh việc kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

Đối với việc tổng đạt các quyết định đưa vụ án xét xử cho bà M, chị T2 cùng các người con: Do đương sự không có địa chỉ cụ thể, việc uỷ thác cho Toà án huyện B không có kết quả nên sau khi ban hành quyết định xét xử, Toà án đã phối hợp với công an xã Đ đề nghị hỗ trợ tổng đạt văn bản đến các đương sự. Toà án gửi hồ sơ qua Viện kiểm sát nghiên cứu cho đúng thời gian, còn kết quả tổng đạt quyết định thì sau khi

tổng đạt thành, Công an xã Đ mới gửi lại và đã lưu hồ sơ. Không thể chờ có kết quả mới chuyển hồ sơ qua Viện kiểm sát nghiên cứu được để bảo đảm việc giải quyết vụ án được kịp thời, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 161; Điều 165; Điều 184; Điều 227; khoản 2, Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017;

- Áp dụng Điều 611, 612, 614, 620, 623, 649, 650, 651, 654 - Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 131, 133 - Luật Đất đai năm 2024;

- Căn cứ án lệ số 06/2016 ngày 06/4/2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Đỗ Thị Dương L về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với bị đơn là anh Đỗ Xuân T1 và chị Đỗ Thị Dương N.

Giao thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tại xã H (nay là phường H) cấp cho ông Đỗ Ứng P và bà Dương Thị C1 theo giấy chứng nhận QSD đất số CL 541910 ngày 29/12/2017 cho anh Đỗ Xuân T1 được quyền quản lý, sử dụng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh Đỗ Xuân T1 có nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với thửa đất số 354, TĐĐ số 35, diện tích 143,4m² trong đó diện tích đất được cấp là 102,7m² tại xã H, tỉnh Đồng Nai (nay là phường H, tỉnh Đồng Nai).

Chị Đỗ Thị Dương N có nghĩa vụ giao cho anh Đỗ Xuân T1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 541910 ngày 29/12/2017 để anh T1 thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với thửa đất số 354, TĐĐ số 35 tại phường H, tỉnh Đồng Nai.

Anh Đỗ Xuân T1 có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đỗ Thị Dương N giá trị tài sản thừa kế số tiền 444.559.998đ. (*Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn chín trăm chín mươi tám đồng*);

Anh Đỗ Xuân T1 có nghĩa vụ thanh toán cho anh Đỗ Xuân T số tiền 129.663.333đ. (*Một trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Tách và giành quyền khởi kiện cho bà Lưu Thị M, chị Phan Thị T2, cháu Đỗ Ngọc Phương T3, cháu Đỗ Phan Duy T4, cháu Đỗ Phan Duy T5 khi có đầy đủ các tài liệu chứng cứ, chứng minh nhân thân liên quan đến anh Đỗ Xuân L1.

2. Về chi phí tố tụng:

Chị N có nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng cho chị L là 9.043.426đ (*Chín triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi sáu đồng*).

Anh T1 có nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng cho chị L là 13.565.139đ (*Mười ba triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm ba mươi chín đồng*).

Anh T có nghĩa vụ thanh toán chi phí tố tụng cho chị L là 4.521.713đ (*Bốn triệu năm trăm hai mươi một ngàn bảy trăm mười ba đồng*).

3. Về án phí:

Chị Đỗ Thị Dương L không phải nộp án phí DSST. Hoàn trả cho chị L 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp. (Biên lai thu tiền số 0005148 ngày 03/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh).

Chị Đỗ Thị Dương N phải nộp 21.782.400đ (*Hai mươi một triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn bốn trăm đồng*) án phí DSST.

Anh Đỗ Xuân T phải nộp 6.483.167đ (*Sáu triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí DSST.

Anh Đỗ Xuân T1 phải nộp 25.487.067đ (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí DSST.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các số tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của khoản tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Đỗ Thị Dương L, anh Đỗ Xuân T1, chị Đỗ Thị Dương N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Xuân T, chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Thi hành án dân sự TP. Long Khánh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Hồ sơ vụ án.*
- *Lưu án văn;*

Nguyễn Thị Hải Yến

